

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC CÔNG THƯƠNG  
ĐỊA PHƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **771** /CTĐP-QLKC  
V/v báo cáo phục vụ Hội nghị  
trực tuyến toàn quốc về công tác  
khuyến công

Hà Nội, ngày **20** tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thời gian qua, do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, các Hội nghị khuyến công thường niên của Chương trình khuyến công quốc gia dự kiến tổ chức tại 3 khu vực Bắc - Trung - Nam liên tục phải ngừng thực hiện.

Nhằm đánh giá tình hình thực hiện công tác khuyến công năm 2021, định hướng đẩy mạnh các hoạt động khuyến công trong năm 2022 và các năm tiếp theo thực hiện theo Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; đề ra các giải pháp đồng hành hiệu quả cùng doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn trong quá trình tái khởi động hoạt động sản xuất sau tác động của đại dịch; đồng thời tôn vinh các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia, Cục CTĐP trình Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác khuyến công và trao Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia lần thứ IV - năm 2021.

Hội nghị dự kiến được tổ chức vào cuối tháng 11 năm 2021; điểm cầu chính tại Hà Nội kết nối với điểm cầu của các Sở Công Thương trên cả nước (chi tiết Giấy mời sẽ thông báo sau).

Để chuẩn bị tài liệu phục vụ Hội nghị, Cục CTĐP đề nghị các Sở Công Thương phối hợp xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động khuyến công (*theo đề cương, mẫu biểu đính kèm*) và gửi về Cục Công Thương địa phương (Số 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội) trước ngày 10 tháng 11 năm 2021; bản mềm gửi về email: [dungvtt@moit.gov.vn](mailto:dungvtt@moit.gov.vn) để tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTKC các tỉnh/TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, QLKC.



**Ngô Quang Trung**

## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

(Kèm theo Công văn số **771** /CTĐP-QLKC ngày **20** tháng **10** năm 2021)

Đơn vị báo cáo..

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /..... - .....

....., ngày ..... tháng ... năm 2021

### **BÁO CÁO**

**Tình hình công tác khuyến công năm 2021 và kế hoạch, giải pháp đẩy mạnh các hoạt động khuyến công năm 2022 và các năm tiếp theo thực hiện theo Quyết định số 1881/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

#### **I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG**

1. Đánh giá kết quả tình hình sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn; trong đó đi sâu đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn;

2. Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công;

Công tác xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công ở địa phương, Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2021 - 2025; Công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát,....;

3. Tổ chức bộ máy, biên chế, cơ sở vật chất của Trung tâm Khuyến công;  
- Mạng lưới cộng tác viên khuyến công (nếu có).

#### **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG**

1. Tình hình triển khai các hoạt động khuyến công năm 2021 trên địa bàn

2. Đánh giá, dự kiến kết quả thực hiện hoạt động khuyến công năm 2021

3. Nhận xét chung

a) Mặt được

b) Tồn tại

c) Nguyên nhân

#### **III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG NĂM 2022 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO**

1. Mục tiêu

2. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Trong năm 2022

b) Giai đoạn đến năm 2025

3. Kiến nghị, đề xuất

**Giám đốc Sở Công Thương**

(Ký tên và đóng dấu)

**PHỤ LỤC SỐ 1**  
**BÁO CÁO THỰC HIỆN KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**  
 (Kèm theo Công văn số: **771** /CTĐP-QĐKLC ngày **20** tháng **10** năm 2021 của Cục Công Thương địa phương)

TT	Nội dung hoạt động khuyến công	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	So với TH năm 2020	So với KH năm 2021	So với KH năm 2022
				Năm 2021	Tỷ lệ ước thực hiện năm 2021 (%)					
1	Kinh phí hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến, xây dựng mô hình trình diễn									
1.1	Kinh phí hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến, dạy chuyên công nghệ									
	Số cơ sở CNTT được hỗ trợ									
	Tổng vốn đối ứng thu hút được									
1.2	Kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản phẩm mới/ theo công nghệ mới; mô trình sản xuất sản phẩm mới/ theo công nghệ mới; mô trình sản xuất sản phẩm mới/ theo công nghệ mới; mô trình sản xuất sản phẩm mới/ theo công nghệ mới									
	Số cơ sở CNTT/doanh nghiệp được hỗ trợ									
1.3	Kinh phí hỗ trợ các cơ sở CNTT sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường									
	Số cơ sở CNTT được hỗ trợ									
	Tổng vốn đối ứng thu hút được									
1.4	Kinh phí hỗ trợ tư vấn, đánh giá, đào tạo cho các cơ sở CNTT/doanh nghiệp về sản xuất sạch hơn									
	Số cơ sở CNTT/ doanh nghiệp được hỗ trợ									
2	Kinh phí hỗ trợ phát triển sản phẩm CNTT tiêu biểu									
2.1	Kinh phí hỗ trợ tổ chức Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp									
	Số cơ sở CNTT được hỗ trợ thuê gian hàng									
	Số gian hàng được hỗ trợ									
2.2	Kinh phí hỗ trợ các cơ sở CNTT tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước									



	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ thuê gian hàng	Cơ sở							
	Số gian hàng được hỗ trợ	Gian hàng							
2.3	Kinh phí hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp	Triệu đồng							
	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp	Cơ sở							
2.4	Kinh phí hỗ trợ các hoạt động bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện,...	Triệu đồng							
	Số sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh được bình chọn	Sản phẩm							
3	<b>Kinh phí hỗ trợ liên doanh, liên kết; tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hợp tác đầu tư phát triển các cụm công nghiệp</b>	<b>Triệu đồng</b>							
3.1	Kinh phí hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp	Triệu đồng							
	Số cụm công nghiệp được hỗ trợ	Cụm							
3.2	Kinh phí hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp	Triệu đồng							
	Số cụm công nghiệp được hỗ trợ	Cụm							
4	<b>Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, tư vấn trợ giúp các cơ sở CNNT</b>								
4.1	Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề/truyền nghề, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo thợ giỏi/nghệ nhân	Triệu đồng							
	Số học viên được đào tạo	Người							
4.2	Kinh phí hỗ trợ đào tạo quản trị kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp	Triệu đồng							
	Số học viên được đào tạo	Người							
4.3	Kinh phí hỗ trợ tổ chức các hội nghị/hội thảo chuyên đề	Triệu đồng							
	Số Hội thảo/hội nghị được tổ chức	Hội nghị							
	Số đại biểu tham dự	Người							
4.4	Kinh phí hỗ trợ tổ chức đoàn thăm quan khảo sát trong và ngoài nước	Triệu đồng							
	Số đoàn được tổ chức	Đoàn							
	Số người tham gia	Người							
5	<b>Kinh phí hỗ trợ tư vấn cơ sở CNNT (mẫu mã bao bì, đánh giá sản xuất sạch hơn, đăng ký thành lập doanh nghiệp,...)</b>	<b>Triệu đồng</b>							
	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ tư vấn	Cơ sở							

	Số doanh nghiệp được hỗ trợ thành lập mới	Doanh nghiệp							
6	Kinh phí hỗ trợ cho các nội dung tuyên truyền về chương trình khuyến công	Triệu đồng							
7	Kinh phí chi hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc tại Trung tâm khuyến công	Triệu đồng							
8	Kinh phí kiểm tra, giám sát, tổng kết chương trình khuyến công giai đoạn, hội nghị/lớp tập huấn bồi dưỡng cán bộ khuyến công,...	Triệu đồng							
9	Kinh phí chi cho các nội dung hoạt động khác (Nếu có, lưu ý liệt kê kinh phí và kết quả một số nội dung chính đã thực hiện từ nguồn kinh phí chi cho các nội dung hoạt động khác này)	Triệu đồng							

Người lập biểu  
(Ký tên)

Người kiểm tra biểu  
(Ký tên)

Ngày tháng năm  
Lãnh đạo Sở Công Thương  
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 2

BÁO CÁO THỰC HIỆN KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số: 771 /CTĐP-QLKC ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Cục Công Thương địa phương)

TT	Nội dung hoạt động khuyến công	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ ước thực hiện năm 2021 (%)		
				Kế hoạch	Ước thực hiện		So với TH 2020	So với KH năm 2021	So với kế hoạch năm 2022
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=6/7
	<b>Tổng cộng kinh phí</b> (A= 1+2+...+ 6)	Triệu đồng							
1	<b>Kinh phí hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến, xây dựng mô hình trình diễn</b>	Triệu đồng							
1.1	Kinh phí hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến, dây chuyền công nghệ	Triệu đồng							
	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ	Cơ sở							
	<b>Tổng vốn đối ứng thu hút được</b>	Triệu đồng							
1.2	Kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới/ sản xuất theo công nghệ mới; mô trình sản xuất sạch hơn	Triệu đồng							
	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ	Cơ sở							
	<b>Tổng vốn đối ứng thu hút được</b>	Triệu đồng							
1.3	Kinh phí hỗ trợ các cơ sở CNNT sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	Triệu đồng							
	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ	Cơ sở							
	<b>Tổng vốn đối ứng thu hút được</b>	Triệu đồng							
1.4	Kinh phí hỗ trợ tư vấn, đánh giá, đào tạo cho các cơ sở CNNT về sản xuất sạch hơn	Triệu đồng							
	Số doanh nghiệp được hỗ trợ	Doanh nghiệp							
2	<b>Kinh phí hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu</b>	Triệu đồng							
2.1	Kinh phí hỗ trợ tổ chức Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp	Triệu đồng							
	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ thuê gian hàng	Cơ sở							
	Số gian hàng được hỗ trợ	Gian hàng							
2.2	Kinh phí hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong nước	Triệu đồng							
	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ thuê gian hàng	Cơ sở							
	Số gian hàng được hỗ trợ	Gian hàng							
2.3	Kinh phí hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia	Triệu đồng							
	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia	Cơ sở							

3	<b>Kinh phí hỗ trợ liên doanh, liên kết; tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hợp tác đầu tư phát triển các cụm công nghiệp</b>	<b>Triệu đồng</b>							
3.1	Kinh phí hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp	Triệu đồng							
	Số cụm công nghiệp được hỗ trợ	Cụm							
3.2	Kinh phí hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp	Triệu đồng							
	Số cụm công nghiệp được hỗ trợ	Cụm							
4	<b>Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, tư vấn trợ giúp các cơ sở CNNT</b>								
4.1	Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề/truyền nghề, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo thợ giỏi/nghệ nhân	Triệu đồng							
	Số học viên được đào tạo	Người							
4.2	Kinh phí hỗ trợ đào tạo quản trị kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp	Triệu đồng							
	Số học viên được đào tạo	Người							
4.3	Kinh phí hỗ trợ tổ chức các hội nghị/hội thảo chuyên đề	Triệu đồng							
	Số Hội thảo/hội nghị được tổ chức	Hội nghị							
	Số đại biểu tham dự	Người							
5	<b>Kinh phí hỗ trợ tư vấn cơ sở CNNT (mẫu mã bao bì, đánh giá sản xuất sạch hơn, đăng ký thành lập doanh nghiệp,...)</b>	<b>Triệu đồng</b>							
	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ tư vấn	Cơ sở							
	Số doanh nghiệp được hỗ trợ thành lập mới	Doanh nghiệp							
6	<b>Kinh phí chi cho các nội dung hoạt động khác</b> (Nếu có, lưu ý liệt kê kinh phí và kết quả một số nội dung chính đã thực hiện từ nguồn kinh phí chi cho các nội dung hoạt động khác này)	<b>Triệu đồng</b>							

Người lập biểu  
(Ký tên)

Người kiểm tra biểu  
(Ký tên)

Ngày tháng năm  
**Lãnh đạo Sở Công Thương**  
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 3

BIỂU TỔNG HỢP NGUỒN NHÂN LỰC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Công văn số: 771 /CTDP-QLKC ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Cục Công Thương địa phương)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Số liệu cập nhật tại thời điểm báo cáo
1	<b>Số người làm việc tại Trung tâm khuyến công</b>		
	Viên chức	Người	
	Lao động hợp đồng	Người	
	* Số lao động tham gia thực hiện các nhiệm vụ/đề án khuyến công	Người	
2	<b>Trình độ</b>		
	Trên Đại học	Người	
	Đại học/Cao đẳng	Người	
	Khác	Người	
3	<b>Mạng lưới cộng tác viên cấp huyện</b>		
	Số lượng cộng tác viên cấp huyện chuyên trách	Người	Số, ngày, tháng, năm văn bản quy định việc thành lập
	Số lượng cộng tác viên cấp huyện kiêm nhiệm	Người	
4	<b>Mạng lưới cộng tác viên cấp xã</b>		
	Số lượng cộng tác viên cấp xã chuyên trách	Người	Số, ngày, tháng, năm văn bản quy định việc thành lập
	Số lượng cộng tác viên cấp xã kiêm nhiệm	Người	

Người lập biểu  
(Ký tên)

Người kiểm tra  
(Ký Tên)

Ngày tháng năm

Lãnh đạo Sở Công Thương  
(Ký tên và đóng dấu)

